

sang thời chiến, sẵn sàng bước vào nhiệm vụ vừa sản xuất vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Đại hội lần thứ VI của Đảng bộ đã nêu rõ những nhiệm vụ chủ yếu là “Ra sức phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch năm 1965, kế hoạch 2 năm (1965-1967) và những năm tiếp theo. Với phương châm phát triển nông nghiệp toàn diện mạnh mẽ và vững chắc, lấy thâm canh tăng năng suất, tăng vụ là cơ bản đồng thời hết sức đẩy mạnh khai hoang để mở rộng diện tích phát triển chăn nuôi, ngành nghề. Huyện uỷ hàng năm đã họp bàn, ra nhiều nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp, ngày 6-8-1966 Nghị quyết số 07-NQ/HU về bàn biện pháp chăm bón để giành thắng lợi quyết định của vụ mùa “Thâm canh thắng Mỹ”; ngày 08-11-1967 Ban Thường vụ ra Nghị quyết số 15-NQ/HU về việc xây dựng cánh đồng 5 tấn thắng Mỹ. Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân các xã, hợp tác xã tăng cường áp dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, làm biến đổi mạnh mẽ về cơ cấu cây trồng, vật nuôi; 3 cây chủ yếu: lúa, mía khoai, 3 con chủ yếu: lợn, trâu, cá. Chuyển một số diện tích trồng rau màu sang cây lúa xuân, bước đầu phá được thế độc canh ở một số nơi vốn là đồng chiêm trũng, đã ảnh hưởng tốt đến quyết tâm phấn đấu cho sự cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi tạo nên những bước đột phá cho nông nghiệp trên cả 3 mặt: tăng diện tích, tăng năng suất, tăng sản lượng.

Hàng trăm cán bộ kỹ thuật có trình độ trung, sơ cấp đã được đào tạo cho các hợp tác xã, huyện còn mở nhiều lớp tập huấn cho cán bộ, đảng viên về kỹ thuật trồng lúa, kế hoạch

quản lý, lịch thời vụ. Đối với vụ chiêm phải cấy xong trước tiết lập xuân sẽ cho năng suất cao, nếu cấy xong cuối tháng 2 sẽ cho năng suất thấp. Vụ mùa phải cấy xong trước ngày 15/8 để tránh mưa úng. Một số giống như: Cút Hương, Sài Đường chống chịu sâu bệnh, chịu phân, chống đổ cho năng suất cao được đưa vào các hợp tác xã, thay thế một số giống chịu sâu bệnh kém.

Sản xuất các vụ chiêm, mùa và vụ đông xuân hàng năm tuy có gặp nhiều khó khăn, do thời tiết, hạn hán, úng lụt, sâu bệnh phá hoại nghiêm trọng, nặng nhất là năm 1967 cả 2 vụ đều bị hạn nặng, Đông – xuân 1967-1968 cuối vụ mưa rét kéo dài tới 40 ngày không có nắng, ảnh hưởng lớn đến thời vụ, sức khoẻ của người và gia súc. Năm 1967, đế quốc Mỹ càng điên cuồng đánh phá cả ngày và đêm ở nhiều địa bàn trong huyện, mức độ ác liệt gấp 3 lần năm 1966. Nhưng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong huyện đã ra sức vượt khó khăn gian khổ chống thiên tai, địch hoạ với quyết tâm “tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, với quyết tâm thắng Mỹ ngay trên đồng ruộng với “cánh đồng 5 tấn thắng Mỹ”, “vụ mùa thâm canh thắng Mỹ” đã xuất hiện ở nhiều nơi. Vụ mùa năm 1967, toàn huyện giành năng suất cao, đưa tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 33.698 tấn vượt 24,99% so với năm 1966, vượt 0,75% so với kế hoạch. Toàn huyện có 5 xã, 18 hợp tác xã đạt từ 5-6 tấn, 35 đội sản xuất từ 5-6 tấn bằng 29% tổng số đội sản xuất trong huyện. Có 26 đội sản xuất đạt 1000 kg/mẫu vụ chiêm và 126 đội đạt 1000kg/mẫu vụ mùa (vụ mùa năm 1966 mới có 6 đội đạt 1000kg/mẫu). Tiêu biểu cho phong trào thâm canh tăng năng suất là các xã: Duy Hải, Tiên Yên và

Trác Bút, điển hình là xã Duy Hải được tỉnh Nam Hà công nhận là đơn vị lá cờ đầu toàn diện nơi đồng chiêm trũng đạt năng suất 6,3 tấn/ha, là điển hình của 8 huyện miền Bắc.

Mùa thu năm 1968, đồng chí Lê Duẩn Bí thư thứ Nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam đã về thăm huyện Duy Tiên. Đồng chí đã đi thăm đồng ruộng, chuồng trại chăn nuôi ở thôn Cát và thôn Tứ xã Duy Hải, thăm hỏi một số gia đình xã viên, sau đó về nhà đồng chí Tích gặp mặt cán bộ, đảng viên và nhân dân thôn Cát .

Đồng chí ân cần vui vẻ thăm hỏi và nói chuyện với mọi người : “ Thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ, tôi về thăm Duy Hải, xin gửi lời chúc sức khỏe đến các ông, các bà và các đồng chí, các cháu thiếu niên nhi đồng. Lúa Duy Hải tốt, chuồng trại chăn nuôi sạch sẽ, đàn lợn tăng nhanh, các đồng chí đã đi vào thế cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi. Công tác trồng cây thả cá, thủy lợi, giao thông có những cố gắng. Nhưng Đảng bộ và nhân dân Duy Hải phải nỗ lực phấn đấu tốt hơn nữa. Mỗi gia đình phải có ao rau muống, phải có chum tương...nuôi nhiều lợn, gà vịt để cải thiện. Công tác vệ sinh phòng bệnh phải chú ý nhất là ăn sạch ở sạch, uống sạch, môi trường nước rất quan trọng, nhưng các đồng chí chưa chú ý quan tâm...”.

Được đồng chí Lê Duẩn động viên, cổ vũ, nhân dân Duy Tiên đã quyết tâm khắc phục khó khăn để đảm bảo sản xuất. Vụ mùa năm 1968, gặp nhiều khó khăn, bão, úng lụt liên tục kéo dài, uy hiếp nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Hầu hết lúa mùa trong huyện bị ngập tới 2 lần, mạ mùa phải gieo lại tới 3 lần, lượng mưa trong tháng

8 và 9 tới 852 mm làm 96% diện tích lúa của huyện bị ngập. Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên đã tập trung sức lực trí tuệ vào chống bão, chống lụt và chống úng, có ngày đã huy động tới 15.000 người chống úng, cứu được hơn 60% diện tích lúa bị ngập. Đây là một thắng lợi hết sức to lớn chứng tỏ sức mạnh phi thường của nông dân tập thể trong cuộc chiến đấu chống thiên tai.

Sản xuất rau màu cũng có những chuyển biến lớn, thâm canh màu ở nơi đồng chiêm đã đi vào thế ổn định. Cây khoai là loại cây màu chủ lực của huyện được trồng cả hai vụ khoai chiêm và khoai mùa. Năm 1966, đạt sản lượng 7.959 tấn củ, năm 1967 đạt 9.950 tấn. Cây khoai phát triển mạnh cả về diện tích và năng suất đã góp phần quan trọng nâng sản lượng màu quy thóc tăng nhanh: năm 1966 đạt 6.081 tấn, năm 1967 đạt 6.317 tấn.

Diện tích năng suất và sản lượng màu quy thóc trong đông xuân 1966-1967 đã đạt đỉnh cao nhất trong 8 năm (1960-1967). Năm 1967, đạt 6.317 tấn thóc quy, cao gấp gần 3 lần năm 1960 (đạt 2.229 tấn thóc quy). Đặc biệt là cây khoai lang phát triển mạnh, nhiều nơi đã đạt năng suất bình quân từ 10 đến 13 tấn/ha, điển hình là xã Thắng Lợi. Cây khoai giữ được năng suất ổn định, đã tạo nên khí thế, niềm tin của nhân dân vào phương hướng chuyển màu, chuyển mùa trên vùng đồng chiêm mới được cải tạo, góp phần đáng kể vào việc phân bổ lao động, làm giảm bớt nặng nhọc, căng thẳng của lao động theo thời vụ, mở ra triển vọng mới cho nông nghiệp đi vào thâm canh cân đối.

Các loại cây công nghiệp như: mía, đay, dâu tằm... cũng được chú ý quy gọn vùng sản xuất thực hiện chế độ luân canh,

có chính sách ưu tiên vùng cây công nghiệp nên bước đầu đã có chuyển biến và ổn định diện tích theo kế hoạch. Cây mía là cây công nghiệp chủ lực của huyện, nhưng trong 3 năm (1966-1968), năng suất còn bấp bênh chưa ổn định, năm 1967 toàn huyện trồng 759 mẫu năng suất đạt 19.500kg/mẫu, so với năm 1966 diện tích bằng 70%, năng suất bằng 88,6%. Nguyên nhân của cây mía năng suất thấp là do xã viên chưa đầu tư thâm canh, chưa giành phân chuồng cho cây mía mà ý lại vào phân đạm. Cây dâu và nghề nuôi tằm ươm tơ có nhiều tiến bộ, năm 1967, sản lượng tơ đạt 3 tấn, là năm đạt cao nhất so với với các năm trước. Trong 6 tháng đầu năm 1968, tuy gặp nhiều khó khăn do thiếu nguyên liệu và giống nhưng vẫn đạt được 1,3 tấn kén bằng 47% kế hoạch.

Chăn nuôi từng bước phát triển để phù hợp với trồng trọt. Năm 1966, vẫn còn tình trạng thiếu cân đối giữa trồng trọt với chăn nuôi, nhất là sức kéo, phân bón với yêu cầu thâm canh, đàn trâu, bò sinh sản của huyện không tăng kể cả những xã ven sông Hồng như: Mộc Bắc, Mộc Nam, Chuyên Ngoại có điều kiện chăn nuôi. Đàn lợn tập thể phát triển còn lúng túng, đàn lợn xã viên chưa được cải tạo giống, chủ yếu là nuôi giống cũ chậm lớn, mỗi tháng chỉ tăng được từ 2-3kg. Nghề nuôi cá phát triển chậm, ở những nơi có kinh nghiệm lâu đời về thả cá, nuôi cá nhưng sản lượng tăng thấp.

Năm 1967, cùng với thắng lợi của trồng trọt là tiến bộ của việc chuyển mẫu, đã đưa tổng sản lượng mẫu quy thóc tăng nhanh, hạn chế dần tình trạng mất cân đối giữa chăn nuôi và trồng trọt. Theo thống kê đến ngày 1/10/1967 tổng đàn lợn đã có 28.131 con trong đó có 3.253 con lợn tập thể. Năm

1968, tổng đàn tăng lên 28.596 con, có 3.362 con lợn tập thể. Đàn trâu, bò đã có bước phát triển mới, phong trào “5 dinh” cho trâu, bò được phát động ngay từ đầu vụ rét, tu sửa 564 chuồng trâu, 1.033 con được sử dụng áo rét, 85% trâu, bò được ăn thêm cháo vào những tháng thời vụ,

Nuôi thả cá trong 2 năm 1967-1968 đã được chú ý đúng mức về xây dựng cơ sở vật chất và mở rộng kinh doanh. Huyện đã chỉ đạo củng cố xây dựng trại cá quốc doanh, tăng cường cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật, kiểm tra đón đóc giữ ổn định diện tích 1.850 ha cá ruộng và 550 ha cá ao hồ. Sản lượng cá thịt tăng, trở thành thực phẩm quan trọng phục vụ cán bộ, nhân dân và bán cho Nhà nước. Toàn huyện đã có 17 hợp tác xã nuôi cá đẻ, cung cấp cá con cho nuôi thả. Xã Mộc Nam có nhiều kinh nghiệm phát triển nuôi cá trong ao hồ ở hợp tác xã và gia đình xã viên, xã có phong trào vớt trứng cá và đón cá bột đem lại nguồn thu lớn, trong năm 1967 đã thu được 203.000^d bằng 107% so với năm 1966. Sản xuất cá giống không những cung cấp đủ cá con cho 21 xã và 45 hợp tác xã trong huyện mà còn bán ra xã các huyện, tỉnh bạn được hơn 37.000 đồng.

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đã có tiến bộ hơn trước, huyện tích cực tranh thủ sự hỗ trợ về vật tư, máy móc của Trung ương và các ngành để trang bị cho các cơ sở sản xuất. Huyện chỉ đạo tiến hành cải tiến quản lý ở hợp tác xã thủ công cơ khí huyện, hợp tác xã dệt Nha Xá, đào tạo đội ngũ công nhân rèn, mộc cho các hợp tác xã nông nghiệp. Đến năm 1968, toàn huyện đã có 35 điểm cơ khí nhỏ, trong đó có 14 điểm được trang bị đồng bộ với 40 máy động lực, 2 mô tơ

điện, 39 máy vò, 27 máy nghiền thức ăn gia súc, xây dựng được 23 tổ nguội với hàng trăm công nhân. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp toàn huyện đạt 105,8% kế hoạch, trong đó nghề thủ công dùng nguyên liệu nứa, lá, gỗ, đạt 148,27%, vật liệu xây dựng đạt 75,77%, cây cải tiến đạt 901 chiếc, bừa cải tiến 474 chiếc, cào cỏ cải tiến 2.499 chiếc...các sản phẩm của công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương đã góp phần làm giảm cường độ lao động, nâng cao hiệu suất lao động trong nông nghiệp, phục vụ tích cực cho phong trào thâm canh tăng năng suất cây trồng.

Vừa lãnh đạo, tổ chức nhân dân sản xuất trong điều kiện chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Đảng bộ Duy Tiên vừa thực hiện cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật lần 2, năm 1967 đã hoàn thành trong 57 hợp tác xã của 25 xã. Thắng lợi lớn nhất của cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật là đã nâng cao vai trò của hợp tác xã thực sự là cái trục trung tâm của sản xuất và chiến đấu, đồng thời tiếp tục củng cố và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp. Quy mô hợp tác xã không ngừng được mở rộng, đầu năm có 64 hợp tác xã, cuối năm hợp lại còn 54 hợp tác xã với quy mô lớn hơn. Toàn huyện, đã có 4 hợp tác xã quy mô toàn xã, 7 hợp tác xã quy mô từ 300-324 ha ruộng đất canh tác, 24 hợp tác xã lên bậc cao, chỉ còn 3 hợp tác xã bậc thấp là hợp tác xã Đông Kênh xã Trác Bút, hợp tác xã An Mông, Dưỡng Thọ xã Tiên Phong. Việc phát triển xã viên cũng có nhiều cố gắng, năm 1968 đã tập trung phát triển thêm được 563 hộ ở nơi phong trào yếu, vùng có nhiều đồng bào công giáo như Đông Nội (Trác Bút), Thượng (Tiên Ngoại), Mang Hạ (Yên Nam) nâng tỷ số hộ nông dân vào hợp tác xã đạt 99,9% tổng số hộ trong toàn huyện.

Trên cơ sở quan hệ sản xuất mới được củng cố và tăng cường, phương hướng sản xuất được xác định. Việc quản lý, phân bổ, sử dụng lao động có nhiều chuyển biến. Nhiều hợp tác xã đã có cố gắng mới trong việc thực hiện chuyên môn hoá lao động, các đội sản xuất cố định được kiện toàn, củng cố với quy mô thích hợp. Các đội chuyên môn như: đội thủy lợi, đội cây trồng, đội chăn nuôi, đội nuôi cá, tổ rèn, tổ mộc, tổ chế biến phân...được hình thành và củng cố chặt chẽ. Việc phân phối theo lao động có tiến bộ rõ ràng trong việc thực hiện chính sách lương thực nên đã có tác dụng bước đầu nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp đảm bảo đầy đủ nhu cầu của Trung ương và tiền tuyến. Huyện Duy Tiên đã cung cấp cho quốc phòng và các ngành hoạt động khác trên 10% số lao động trẻ khoẻ, đã vận động được 1.250 lao động ở nơi ít ruộng đi tham gia phát triển kinh tế miền núi, góp phần đáng kể vào tăng cường tiềm lực quốc phòng của Tổ quốc.

Hợp tác xã được củng cố, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các chính sách của Đảng, Chính phủ như đóng góp nghĩa vụ, mua bán nông sản thực phẩm tiết kiệm, phân phối...đã động viên được nguồn tài lực, vật lực của địa phương vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày càng tăng. Năm 1966, lương thực giao nộp 3.913 tấn, thực phẩm 861,7 tấn, bình quân lao động bán thóc 148kg, nông sản hàng hoá 41đồng, tiết kiệm mỗi khẩu đạt 13,5 đồng. Năm 1967, huyện Duy Tiên hoàn thành tốt công tác lương thực, tổng khối lượng huy động cả năm là 5,897 tấn đạt 111,9% so với kế hoạch, riêng vụ chiêm đạt 117% là đơn vị hoàn thành nhanh nhất tỉnh Hà nam,



Nghề làm trống truyền thống thôn Đội Tam - xã Đội Sơn



Nghề truyền thống Mây - giang đan xuất khẩu ở xã Hoàng Đông.

huy động thực phẩm đạt 1.274 tấn, riêng thịt lợn đạt 603,8 tấn, bình quân lao động bán thóc cho Nhà nước đạt 189,2 kg, nông sản hàng hoá đạt 47 đồng, tiết kiệm đạt 25,8 đồng.

Đóng góp sức của cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày càng nhiều nhưng đời sống của nhân dân lao động trong huyện vẫn được đảm bảo, hàng tháng bình quân lương thực mỗi khẩu đạt 17,6kg. Cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã vẫn đảm bảo xây dựng theo kế hoạch. Huyện đã thực hiện một bước thuỷ lợi hoá gắn liền với hợp tác hoá, coi trọng phong trào thuỷ lợi, kiến thiết đồng ruộng. Trong 4 năm đã xây dựng được 10 trạm bơm với 52 máy và nhiều cống, cầu trong huyện, số vốn lên tới 693.000 đồng bằng 198% kế hoạch, đặc biệt là công trình cống qua đê Mộc Nam lấy nước phù sa từ sông Hồng tưới cho hầu hết đồng ruộng của huyện. Các hợp tác xã nông nghiệp đã xây dựng được 5.000 gian nhà chế biến phân chuồng, trại chăn nuôi tập thể và 1.200 gian nhà kho...

Cơ sở vật chất phục vụ ngành giao thông vận tải được chú trọng đầu tư tương ứng với nhiệm vụ chiến lược trên địa bàn chiến lược của huyện trong chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ. Duy Tiên có vị trí rất quan trọng về quốc phòng, nằm án ngữ trục đường giao thông chính, cửa ngõ phía Nam Thủ đô Hà Nội, có 16 km đường số 1 và đường sắt Bắc Nam, 12 km đường đê sông Hồng, với nhiều vị trí quan trọng như: cầu Giẽ, ga Đông Văn, cầu Phủ Lý, cầu Hoà Mạc, cảng Yên Lệnh... Trong kháng chiến chống Pháp địch đã sử dụng triệt để 2 tuyến đường này vận chuyển quân, vũ khí đánh ta, trong chiến tranh phá hoại đế quốc Mỹ cũng tập trung đánh phá huỷ hoại 2 tuyến đường này, nhất là

tuyến đường số 1 nằm trong trọng điểm đánh phá của chúng nhằm cắt đứt mạch máu giao thông chiến lược từ hậu phương chi viện cho tiền tuyến.

Từ tháng 5/1965 đến tháng 11/1965, đế quốc Mỹ đánh phá cầu Phủ Lý, cầu Giẽ và tuyến đường 1 với hàng ngàn quả bom, quy mô đánh phá, mức độ đánh phá ngày càng mở rộng và ác liệt, đánh cả ban ngày, đánh cả ban đêm, không chỉ đánh phá cầu đường mà chúng còn đánh phá cả vào khu dân cư, đê điều, kho tàng kinh tế...Chúng tăng cường đánh phá ban đêm để các lực lượng phòng không của ta khó phát hiện đánh trả. Có tháng đánh liên tục như tháng 10/1966 đánh 144 trận, tháng 1/1967 đánh 153 trận. Năm 1966, chúng đánh vào đê điều tăng gấp 11 lần năm 1965, đánh kho tàng, kinh tế tăng 6,3 lần, đánh vào khu dân cư tăng gấp 6 lần. Năm 1967, địch đánh phá ác liệt hơn nhằm làm tê liệt tuyến vận chuyển cung cấp hàng hoá từ hậu phương ra tiền tuyến, riêng quý III/1967 địch đã huy động 865 lần chiếc máy bay phản lực các loại đánh 261 trận, trong đó có 13 trận đánh vào ban đêm, chúng tập trung đánh giao thông vận tải tăng 16,2 lần năm 1966, đánh vào khu dân cư tăng 63 lần, đánh vào khu kinh tế, kho tàng tăng 45 lần...

Nhận rõ vai trò bảo đảm thông suốt giao thông trong chiến tranh phá hoại là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân, ngày 25/11/1966, Huyện uỷ ra Nghị quyết số 26-NQ/HU về công tác đảm bảo giao thông vận tải trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Nghị quyết đã nêu: “ra sức phát triển vận tải nhất là vận tải thuỷ và vận tải thô sơ, tăng nhanh phương tiện thuyền nan và xe thô sơ...”. Huyện uỷ đã

lãnh đạo, động viên các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh sản xuất, mua sắm phương tiện, đến cuối năm 1968, hầu hết các hợp tác xã nông nghiệp đều thành lập được đội xe thô chuyên môn, tổ xe bò kéo, thuyền gỗ, xe cải tiến bình quân cứ trên 2 hộ xã viên có 1 xe, tất cả đều hướng vào phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống nhân dân.

Phong trào giải phóng đôi vai, nâng cao sức cơ động, năng lực bốc xếp hàng, giải toả bến bãi, giải toả giao thông tăng nhanh. Năm 1965, các phương tiện giao thông vận chuyển hàng hoá thay thế đôi vai người lao động đạt 67% ,đến năm 1966 đã tăng lên 88%. Nhiều loại phương tiện được huy động bao gồm: 222 xe bò, 459 xe cải tiến, 523 xe cút kít, 118 thuyền gỗ và 2.127 thuyền nan. Năm 1967, huyện củng cố, xây dựng 1 hợp tác xã xe bò kéo, 1 hợp tác xã xích lô, 1 tổ thuyền trọng tải 63 tấn. Năm 1965, khối lượng hàng hoá vận chuyển được 14.000 tấn, năm 1966 -1967 vận chuyển được 40.132 tấn bằng 719.128 tấn/km, đáp ứng kịp thời cho sản xuất và nhu cầu phục vụ tiền tuyến trong mọi điều kiện chiến tranh phá hoại cũng như trong mùa mưa bão. Mạng lưới giao thông vận tải luôn được củng cố tăng cường, đã làm thêm được 80km đường vòng, đường tránh qua cầu phao ghép bằng tre, luồng, gỗ ở bến Cầu Tử và cầu Ngâm tại bến Đường âm xã Tiên Hoà, đảm bảo cho hàng ngàn chuyến ô tô chở hàng qua sông Châu, khi đường 1 và cầu Phủ Lý bị địch đánh phá hỏng nặng chưa sửa chữa kịp. Nhiều con đường mới được đắp để phục vụ cho xe kéo pháo vào các trận địa Đình Tràng, Đường âm (Tiên Hoà), trận địa pháo ở Tiên Hải và trận địa tên lửa ở Tiên Nội...Toàn huyện đã tu sửa, cải tạo được 317 km đường thể hiện sinh động đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng trên mặt trận giao thông vận tải.

Tuy thành tích đạt được rất to lớn, nhưng so với yêu cầu nhiệm vụ vừa sản xuất vừa chiến đấu thì ngành giao thông vận tải còn bộc lộ nhiều nhược điểm quan trọng: việc vận chuyển hàng hoá còn chậm, công tác quản lý phương tiện vận chuyển chưa thật chặt chẽ, hiện tượng chạy theo lợi nhuận còn khá phổ biến nhất là khâu vận chuyển bằng xe xích lô, xe thô... Việc làm mới và sửa chữa phương tiện giao thông chưa kịp thời. Công tác giao thông nông thôn phát triển chưa rộng, chưa đều, việc cải tạo mặt đường còn quá yếu, tổ chức canh gác thường xuyên trên các tuyến đường quan trọng, hầm hố ở ven đường giao thông, nhà ga, bến cảng còn ít, khi bị đánh phá gặp nhiều lúng túng.

Ngày 7/11/1965 đế quốc Mỹ đánh trận đầu tiên vào địa bàn huyện Duy Tiên, lực lượng dân quân xã Tiên Hoà dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng uỷ xã và chi uỷ thôn Đình Tràng đã phối hợp cùng các đơn vị bộ đội pháo phòng không bố trí trên địa bàn xã bảo vệ cầu Phủ Lý đã anh dũng chiến đấu lập thành tích xuất sắc bắn cháy 2 máy bay Mỹ. Cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ngày càng leo thang mở rộng, bắn phá hầu hết các xã trong huyện. Năm 1966 chúng đánh 20 trận, năm 1967 đánh 54 trận, có 13 trận đánh ban đêm. Chúng đánh cả vào xí nghiệp đồng ruộng trong phạm vi 15 xã, trọng điểm là Lam Hạ, Tiên Tân, Hoàng Đông, Đồng Văn, Bạch Thượng. Nhờ có công tác che phòng, chuẩn bị tốt nên đã hạn chế được thiệt hại.

Đế quốc Mỹ tăng cường phá hoại hậu phương của ta trên cả 3 mặt: chiến tranh phá hoại, chiến tranh gián điệp và chiến tranh tâm lý hòng gây hoang mang trong các tầng lớp nhân

dân. Trên trời chúng dùng máy bay bắn phá, máy bay thả truyền đơn, thả hàng tâm lý như: đài bán dẫn, tiền giả... để lừa bịp nhân dân ta về cuộc chiến tranh ăn cướp của chúng. Ở dưới đất, bọn phản động đội lốt thiên chúa giáo đã tấn công hàng ngũ cốt cán của ta bằng tiền và tình cảm, tăng cường ngày lễ, bí mật tổ chức hội đoàn, tập hợp động viên bọn tay sai nằm chờ cơ hội. Có nơi, chúng đã trắng trợn phá cây cối làm rõ mục tiêu nhà thờ, để máy bay dễ đánh vào khu vực dân cư. Bọn lưu manh bất mãn, một số tổ chức phản động khác bí mật nhen nhóm lực lượng chống lại ta. Có những tên tề nguỵ chưa chịu cải tạo đã ngang nhiên ca tụng Mỹ mạnh, Mỹ giàu, Mỹ ném bom, bắn phá chính xác các mục tiêu cầu đường, trận địa pháo... gây tư tưởng hoang mang khiếp sợ Mỹ, không dám đánh Mỹ trong nhân dân. Bọn phản động kết hợp với bọn lưu manh trong huyện, ngoài huyện đã có những hoạt động côn đồ trên các trục đường giao thông chính như: đường số 1 đoạn Đồng Văn, đường 60 đoạn Cầu Vũ... Bọn phản động ở địa phương đã lợi dụng những sơ hở của ta để chống đối phá hoại, gây cho ta nhiều khó khăn trong sản xuất, chiến đấu và tổ chức đời sống.

Quán triệt đường lối chiến tranh nhân dân và quyết tâm chiến lược đánh Mỹ, thắng Mỹ của Trung ương Đảng, Đảng bộ Duy Tiên đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị, học tập Nghị quyết 11,12 của Ban Chấp hành Trung ương khoá III, lời kêu gọi toàn dân chống Mỹ cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để xây dựng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân ý chí quyết tâm chống Mỹ cứu nước. Thường xuyên giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đánh thắng địch bất cứ lúc nào, do đó đã kịp thời đập tan những luận điệu

xuyên tạc và âm mưu phá hoại của bọn phản động, đảm bảo trật tự trị an, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi mặt phát triển.

Để tránh những tổn thất do giặc Mỹ ném bom bắn phá, ngay từ ngày đầu chiến tranh, Huyện uỷ đã lãnh đạo tốt công tác canh gác báo động máy bay địch, vận động nhân dân triệt để sơ tán xa những trọng điểm đánh phá như khu vực cầu Phủ Lý, khu vực ven đường 1, tích cực đào hầm, hào giao thông ở ngoài đồng, ven đường giao thông, nhà ga, bến phà, trường học và ở trong nhà để tránh máy bay Mỹ bắn phá nhất là ban đêm. Toàn huyện, đã đào được 33.000 hầm, hố các loại và hào giao thông. Phong trào làm mũ rơm được phát động rộng rãi: người đi làm đồng đội mũ rơm, trẻ chăn trâu đội mũ rơm, trẻ em đi học đội mũ rơm để tránh mảnh đạn, mảnh bom phá, bom bi. Phong trào mùa sấm bông băng cứu thương cá nhân, tủ thuốc cứu thương của tập thể đã trở thành tự giác, đi đâu cũng đem theo để phòng bị mảnh bom đạn là băng bó kịp thời.

Công tác phòng không, trực chiến, che phòng nguy trang cũng được đẩy mạnh. Các hợp tác xã đã giành hàng trăm hecta ruộng để đắp ụ pháo làm đường cho xe kéo tên lửa, kéo pháo vào trận địa và làm các trận địa giả để đánh lừa máy bay của địch. Pháo phòng không được bố trí nhiều tầm hoả lực: tầm trung có pháo 37 mm, 57mm, tầm cao có pháo 87mm và pháo 100mm. Hoả lực tầm thấp có 175 tổ du kích trực chiến của các xã được trang bị súng trường bộ binh, súng trung liên 12,7mm và 14,5mm, dân quân du kích còn đảm nhiệm thả khinh khí cầu để cản máy bay tầm thấp của địch.

Việc xây dựng lực lượng hậu bị luôn được coi trọng, Đảng bộ phát động mạnh mẽ phong trào tham gia dân quân,

du kích. Số lượng và chất lượng đội ngũ dân quân du kích tăng lên: năm 1966, chiếm 11,2% dân số, năm 1967 chiếm tới 12,5%. Đặc biệt việc phát triển dân quân du kích nơi đồng bào công giáo đã được đẩy mạnh, có tới 9,7% so với tổng số giáo dân tham gia. Xã đạt danh hiệu đơn vị “Quyết thắng” hàng năm cũng tăng dần: năm 1966 có 2 xã, 2 đơn vị, năm 1967 đã có 4 xã, 37 đơn vị. Trong sản xuất chiến đấu, luyện tập kỹ thuật, chiến thuật đã xuất hiện những đơn vị điển hình như dân quân xã Đội Sơn và trung đội nữ dân quân thôn Đội Tam đã được Chính phủ công nhận đơn vị “Quyết thắng”. Xã Tiên Hoà và trung đội dân quân thôn Đình Tràng được huyện chỉ đạo bồi dưỡng xây dựng tập thể anh hùng.

Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, nhiều đơn vị dân quân, du kích dũng cảm, kiên cường băng qua làn khói bom, đạn địch để tiếp đạn, căng thương binh, tiếp tế cơm, nước cho bộ đội chiến đấu. Một số đơn vị dân quân đã sử dụng thành thạo pháo 37mm, sẵn sàng thay thế bộ đội đánh giặc, tiêu biểu là trung đội nữ dân quân thôn Đình Tràng xã Tiên Hoà đã thay thế khẩu đội pháo 37mm khi cả khẩu đội hy sinh, các đồng chí nữ pháo thủ đã trút căm thù lên nòng súng nhằm thẳng máy bay Mỹ mà bắn trong trận chiến đấu ngày 1/10/1966 để bảo vệ quê hương. Cả khẩu đội đã anh dũng hy sinh trong đó có đồng chí Trọng chính trị viên huyện đội, đồng chí Nhàn Bí thư Đảng uỷ xã và 6 đồng chí nữ dân quân : Nguyễn Thị Thi, Nguyễn Thị Thu, Đinh Thị Tâm , Trần Thị Tuyết, Phạm Thị Lan, Vũ Thị Phương tuổi đời mới 18, đôi mươi.

Từ năm 1965 đến tháng 11/1968, đế quốc Mỹ đã đánh phá vào 21/22 xã trong huyện, riêng xã Lam Hạ bị đánh ác liệt

nhất với 350 tấn bom đạn trong 672 trận. Thôn Đình Tràng xã Lam Hạ, thôn Thượng xã Tiên Tân là nơi khắc sâu căm thù giặc Mỹ đã giết chết 83 người dân trong nhà và sản xuất ngoài đồng. Bom đạn Mỹ còn làm bị thương 74 bộ đội, 137 dân thường, 6 cán bộ, 311 ngôi nhà bị cháy và hỏng nặng 2 đình, chùa. Mất mát hy sinh về người, về của là to lớn nhưng thắng lợi cũng thật vẻ vang. Trong 2 năm 1966-1967, dân quân du kích trong huyện đã cùng bộ đội pháo phòng không bắn rơi 3 máy bay giặc Mỹ. Tiêu biểu của tinh thần hiệp đồng chiến đấu là trận đánh tháng 6/1967, máy bay Mỹ cháy, giặc lái nhảy dù đã bị dân quân du kích xã Chuyên Ngoại bắt sống, thu bản đồ quân sự, vũ khí và tư trang.

Để chống chiến tranh tâm lý, gián điệp của địch, Đảng bộ đã phát động phong trào bảo mật phòng gian và bảo vệ trị an rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân. Các cơ quan chức năng tổ chức điều tra, rà soát phân loại lập hồ sơ những phần tử nguy hiểm cho đi tập trung cải tạo. Đối với những phần tử phản động đội lốt thiên chúa giáo được theo dõi và quản lý chặt chẽ. Trong huyện đã dập tắt kịp thời những tổ chức chính trị phản động mới nhen nhóm, chặn đứng được sự phá hoại của chúng, giữ vững trật tự an ninh nông thôn kể cả khi địch ném bom bắn phá, rải truyền đơn, tung tiền giả phá hoại kinh tế của ta. Ở nhiều nơi cán bộ, đảng viên đã vận động nhân dân, học sinh tự giác thu gom truyền đơn, tiền giả, đài bán dẫn, hàng tâm lý đem tiêu huỷ, kiên quyết không nghe đài, tin đồn nhảm và những lời tuyên truyền kích động của địch.

Những thành tích của quân và dân huyện Duy Tiên đã góp phần vào chiến công vang dội của quân dân cả nước với

cuộc tổng tiến công và nổi dậy ở miền Nam, đánh thắng chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, buộc tổng thống Giôn-xơn phải tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ tháng 11-1968. Nhưng với yêu cầu của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước còn nhiều mặt đáp ứng chưa cao như nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng về âm mưu của địch chưa sâu sắc. Phong trào xây dựng dân quân, du kích ở những nơi yếu chưa được cấp uỷ, chính quyền quan tâm đầy đủ. Việc giáo dục tinh thần sẵn sàng hy sinh vì đất nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng ở một số đơn vị chưa cao. Các đơn vị dân quân trực chiến còn bỏ lỡ nhiều cơ hội bắn rơi máy bay Mỹ khi chúng bay đúng tầm, đúng hướng. Công tác phòng không sơ tán ở một số xã chưa làm tốt nên địch đánh phá vào ban đêm còn bị thương vong nhiều. Công tác bảo mật, phòng gian, bảo vệ trật tự trị an có mặt diễn biến theo hướng tiêu cực, nhiều nơi còn để xảy ra cháy nhà, lấy trộm xăng dầu của Nhà nước, bắt trộm trâu, bò của hợp tác xã giết thịt... Công an xã chưa phát huy mạnh mẽ chức năng đấu tranh trấn áp tội phạm vì vậy đã hạn chế đến việc thực hiện nhiệm vụ chuyên chính vô sản.

Mặc dù trong điều kiện chiến tranh gặp nhiều khó khăn nhất là về lương thực, vừa phải đáp ứng nhu cầu chi viện cho tiền tuyến ngày càng cao nhưng Đảng bộ vẫn không ngừng chăm lo và tổ chức tốt đời sống của các tầng lớp nhân dân trong huyện.

Về đời sống vật chất, huyện đã hướng dẫn cho các hợp tác xã mua bán chủ động mua sắm, khoai phục vụ nhân dân lúc giáp hạt, tiêu biểu như hợp tác xã mua bán xã Tiên Hiệp tích cực mua bán giải quyết khó khăn trong xã. Mặt

khác, động viên nhân dân các xã tích cực sản xuất trồng rau, màu. Tinh thần đoàn kết tương trợ được khơi dậy trong nhân dân nơi đồng chiêm, đồng màu, giữa quê hương mới và quê hương cũ...do đó mà khó khăn về lương thực đã nhanh chóng được khắc phục.

Về đời sống văn hoá, xã hội, trong điều kiện chiến tranh ác liệt vẫn không ngừng phát triển. Ngành giáo dục có bước tiến mới trong việc quán triệt đường lối, phương châm giáo dục của Đảng, thực hiện 3 kết hợp: kết hợp giữa nhà trường, đoàn thể và gia đình, đưa học và hành gắn liền với nhau đang có triển vọng tốt đẹp. Công tác bổ túc văn hoá đã hoàn thành trước thời hạn 1 tháng, góp phần tích cực vào việc nâng cao kiến thức cho quần chúng có điều kiện tiếp thu khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và chiến đấu. Công tác giáo dục phổ thông mặc dù trong điều kiện phải sơ tán nhưng lớp học của các cháu vẫn đảm bảo đầy đủ, có hệ thống hầm chữ A, hố cá nhân và hào giao thông từ lớp học ra các hầm để các cháu trú ẩn an toàn khi có máy bay địch bắn phá. Giáo dục phổ thông tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng, tính đến năm 1968 cứ 3 người dân thì có 1 người đi học. Tuy các điều kiện phục vụ cho học tập như: giấy, mực thiếu, học sinh phải đi học xa, nhưng năm học đầu tiên của thời kỳ chiến tranh phá hoại (1965-1966), các trường vẫn khai giảng và kết thúc năm học theo đúng kế hoạch của Bộ Giáo dục, kỳ thi cuối khoá của các cấp học đạt kết quả cao: cấp I đạt tỷ lệ 98%, cấp II đạt 94,8%, cấp III đạt 87%. Năm học 1967-1968, mẫu giáo tách ra thành một ngành học trong hệ thống giáo dục và được quan tâm đúng mức. Toàn huyện đã có 6.906 cháu vào mẫu giáo bằng 63% số

cháu trong độ tuổi đến lớp. Phong trào mẫu giáo của huyện đã được xếp vào loại khá trong tỉnh.

Công tác thông tin văn hoá đã chuyển hướng kịp thời và có nhiều cố gắng phục vụ sản xuất, chiến đấu và tổ chức đời sống. Việc truyền tin, cổ động được đẩy mạnh với nhiều hình thức gọn nhẹ như: thông tin lưu động, triển lãm nhỏ, đèn chiếu, kể chuyện, đã có tác dụng giáo dục rất tốt. Hoạt động văn hoá quần chúng đã có tiến bộ rõ trong phong trào đọc sách báo, ca hát “tiếng hát át tiếng bom”. Công tác thông tin văn hoá góp phần vào việc tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước đến quần chúng, ca ngợi người mới, việc mới nảy nở từ những phong trào cách mạng để nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng tư tưởng mới, tình cảm mới, nếp sống mới, bồi dưỡng và phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, xây dựng tinh thần làm chủ tập thể, ý thức tự lực cánh sinh trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, tạo ra khí thế vui tươi, lành mạnh trong chiến đấu ác liệt, sản xuất khẩn trương với niềm tin tuyệt đối vào thắng lợi cách mạng.

Công tác y tế, thể dục, thể thao đã hướng vào bảo vệ sức khoẻ của nhân dân. Với phương châm phòng bệnh là chính, trong 4 năm (1965-1968) phong trào vệ sinh phân, nước, rác đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi ở nơi đồng chiêm trũng, nơi đồng màu và nơi đồng bào thiên chúa giáo. Tính đến đầu năm 1967, toàn huyện đã có 13.000 hố xí đúng kiểu, 2.200 giếng khơi. Có 16 xã hoàn thành xây dựng hố xí đúng kiểu, trong đó có: xã Tiên Hiệp, Tiên Ngoại, Tiên Yên đạt 100% hộ tham gia. Nhiệm vụ khám và điều trị bệnh cho nhân

dân có tiến bộ. Huyện chú trọng phát triển củng cố mạng lưới y tế huyện, xã. Việc kết hợp đông tây y đã có nhiều cố gắng, với quyết tâm giải quyết những khó khăn về thuốc điều trị, đạt hiệu quả cao trong các trận chiến đấu bắn máy bay Mỹ, bằng bó, chữa trị cho những người bị thương nhẹ chóng khỏi về tiếp tục sản xuất, chiến đấu. Bệnh viện tuyến huyện khẩn trương cấp cứu những người bị thương nặng như đứt ruột, gãy chân...dập tắt được bệnh sởi, cúm, ho gà.

Nhiệm vụ chăm lo tổ chức đời sống của nhân dân tuy đã có nhiều cố gắng nhưng cũng còn một số tồn tại cơ bản: những nhu cầu thiết yếu về ăn, mặc, ở, học tập của nhân dân chưa được chăm lo giải quyết chu đáo nhất là ở vùng đồng chiêm trũng. Công tác vệ sinh phòng bệnh chưa được đề cao, có một số nơi làm chưa tốt. Công tác bảo vệ bà mẹ trẻ em còn thiếu sót. Những tồn tại đó đã ảnh hưởng không tốt đến lòng tin tưởng, phấn khởi trong nhân dân, hạn chế nhiệt tình cách mạng và mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Đây là những vấn đề mà Đảng bộ cần phải quan tâm và khẩn trương giải quyết.

Nhiệm vụ xây dựng, củng cố chính quyền, vận động quần chúng trong 4 năm đã có nhiều tiến bộ. Thông qua cuộc vận động xây dựng chính quyền giỏi toàn diện, Đảng bộ đã tuyên truyền cho quần chúng thấy rõ hơn về vai trò, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban hành chính các cấp nhất là cấp xã. Do điều kiện cả nước có chiến tranh, lực lượng trẻ khỏe nhất là nam giới đảm nhận nhiệm vụ chiến đấu vì vậy cơ cấu, thành phần trong Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính có khó khăn. Đảng bộ kiên quyết lãnh đạo và lắng nghe ý kiến của quần chúng, mạnh dạn rút những đảng viên ứng cử, đề cử



Trường Trung học cơ sở xã Hoàng Đông - trường đạt chuẩn quốc gia đầu tiên của huyện Duy Tiên



Trường THPT Duy Tiên A thành lập năm 1961 - Trường đạt chuẩn quốc gia đầu tiên của khối THPT của tỉnh Hà Nam vào năm 2005

mà quần chúng ít tín nhiệm. Trong cơ cấu Hội đồng nhân dân huyện, xã có chuyển biến mới. Ở xã, tỷ lệ nữ chiếm 53%, lực lượng trẻ chiếm 48%, công giáo chỉ có 0,8%. Ở huyện, nữ chiếm 50%, trẻ 40%, đảng viên chiếm 80,9%. Đây cũng là nét mới trong phong trào “3 đảm đang”.

Trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân năm 1967-1968, tuy có nhiều khó khăn về đời sống, xã hội nhưng Đảng bộ đã lãnh đạo chặt chẽ từ trên xuống dưới, vận động nhân dân thực sự phát huy quyền làm chủ trong bầu cử, ứng cử. Do đó mà toàn huyện đã có 99,9% số cử tri đi bỏ phiếu. Ý thức tôn trọng chính quyền và chấp hành pháp luật của Nhà nước trong các tầng lớp nhân dân có nhiều chuyển biến. Mối quan hệ giữa Đảng uỷ và Uỷ ban hành chính xã bước đầu được cải tiến. Chức năng chuyên chính đối với bọn phản động và phần tử xấu, địa chủ không chịu cải tạo, những vụ phá hoại, những hành vi chống đối chế độ, những luận điệu xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng, Chính phủ được phát hiện, trấn áp kịp thời nhằm bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân.

Công tác thanh niên đã có bước trưởng thành nhanh chóng về tư tưởng và tổ chức. Ngày 4/3/1966, Huyện uỷ đã ra Nghị quyết số 01-NQ/HU về công tác thanh vận trong tình hình mới. Phong trào “3 sẵn sàng” đã có hàng vạn đoàn viên, thanh niên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong sản xuất và chiến đấu. Khẩu hiệu “đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên” đã thành hành động thực tế của tuổi trẻ anh hùng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội đã xuất hiện nhiều đơn vị, cá nhân tiên tiến. Đặc biệt là việc củng cố xây dựng chi đoàn, phân đoàn cơ sở “4 tốt” có nhiều tiến bộ. Năm 1965, có 19

đơn vị khá, chỉ có 1 đơn vị kém. Năm 1966, có 70% chi đoàn, 80% phân đoàn được công nhận “4 tốt”. Năm 1967, có 100% chi đoàn “4 tốt”. Phong trào thâm canh “cánh đồng 5 tấn thắng Mỹ” và “cánh đồng 5,6,7 tấn thắng Mỹ”, nhất là phong trào thanh niên “nhận ruộng 26/3” đã thu hút đông đảo thanh niên đi vào thực hiện các biện pháp khoa học kỹ thuật và tổ chức quản lý nông nghiệp, điển hình là chi đoàn Vũ Lương xã Tiên Yên. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức đoàn được duy trì thường xuyên. Năm 1965, phát triển được 1.468 đoàn viên bằng 152% so với năm 1964, trong đó có 344 thanh niên công giáo. Năm 1966, toàn huyện có 1.400 đoàn viên thanh niên. Hàng năm, lực lượng thanh niên được bổ sung cho tiền tuyến và công trường, nông trường. Thanh niên xung phong ngày càng nhiều, bất kỳ ở nơi nào, làm việc gì. Thanh niên huyện Duy Tiên cũng phát huy vai trò đầu tàu, gương mẫu nên đã giành được nhiều thành tích to lớn.

Công tác bảo vệ chăm sóc giáo dục thiếu niên, nhi đồng cũng có nhiều tiến bộ. Số cháu ngoan Bác Hồ và học sinh giỏi mỗi năm một tăng. Năm 1967, có 11.986 cháu, 9 tháng đầu năm 1968 có 17.800 cháu. Phong trào “Tuổi nhỏ hậu phương”, “làm nghìn việc tốt” đã góp phần tích cực đẩy mạnh sản xuất và chiến đấu.

Phong trào “3 đảm đang” của phụ nữ đã có hiệu quả trong việc động viên và phát huy khả năng to lớn của phụ nữ trong công cuộc chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên mặt trận sản xuất, phụ nữ giữ một vai trò quyết định trong việc áp dụng biện pháp kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất cây trồng. Chị em đã đảm nhiệm những công việc

nặng nề mà phụ nữ trước đây chưa làm như: cấy, bừa, đào mai thuỷ lợi...Nhiều chị em tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu rất dũng cảm để bảo vệ cầu đường, thông suốt giao thông. Công tác tổ chức xây dựng hội đã được các cấp uỷ quan tâm hơn trước, đã bồi dưỡng đưa 973 chị em ưu tú tham gia công tác chính quyền, quản trị hợp tác xã, đội trưởng sản xuất. Tuyệt đại bộ phận chị em giữ chức vụ lãnh đạo đều cần cù, trung thực, hoàn thành tốt những nhiệm vụ được giao, đã có 4.507 phụ nữ được tặng danh hiệu “3 đảm đang”.

Công tác mặt trận nổi bật nhất là vai trò tập hợp toàn dân đoàn kết chống Mỹ cứu nước. Đoàn kết lương giáo có chuyển biến tốt, ngay từ khi địch bắn phá huyện Duy Tiên tình đoàn kết tương trợ đồng nhân dân ngày càng gắn bó hơn, đồng bào công giáo tin tưởng vào Đảng, vào thắng lợi của cách mạng hơn. Gianh giới địch ta được phân định rõ ràng, đồng bào công giáo đã gắn bó với hợp tác xã, số gia đình vào hợp tác xã nhiều hơn. Một số hợp tác xã vùng công giáo quản lý sản xuất có tiến bộ như ở Đông Nội xã Trác Bút, Thượng xã Tiên Ngoại. Phong trào “3 giỏi” của các cụ cao tuổi đã thực sự cuốn hút các đoàn thể vào mặt trận sản xuất, chiến đấu và các phong trào tiết kiệm, trồng cây...tiêu biểu là đội trồng cây xã Tiên Minh đã thu về cho hợp tác xã 221.143 đồng. ở một số xã các cụ còn tham gia canh gác máy bay cả ban ngày và ban đêm để giành lực lượng khoẻ cho sản xuất.

Công tác xây dựng Đảng từ hoà bình chuyển sang chiến tranh, vai trò lãnh đạo của Đảng không ngừng được tăng cường, đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Đảng bộ đã rất coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong Đảng, tổ chức

cho cán bộ, đảng viên học tập các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá III về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt khi đế quốc Mỹ đưa thêm quân vào miền Nam và dùng tàu chiến phong toả đường biển và tập kích một số vùng ở bờ biển miền Bắc. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 (tháng 1/1968) về chủ trương mở cuộc tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1968. Chỉ thị về công tác tư tưởng, chỉnh huấn mùa xuân năm 1965; cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật hợp tác xã lần 2 đã nâng cao 1 bước quan trọng về tính chất và nhiệm vụ của Đảng. Nhận thức của đảng viên về âm mưu của địch, xây dựng ý chí quyết chiến, quyết thắng ở trong Đảng, trước tình hình chiến tranh cả nước diễn ra gay go quyết liệt, đảng viên trong Đảng bộ vẫn vững vàng, nêu cao tinh thần đoàn kết thông suốt đường lối, chính sách của Đảng, giúp nhau cùng thực hiện 2 nhiệm vụ trung tâm sản xuất và chiến đấu.

Công tác tổ chức của Đảng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Nhiều Đảng uỷ, chi uỷ đã có tiến bộ rõ về lãnh đạo hợp tác xã nông nghiệp và quản lý kinh tế nông nghiệp. Vai trò của tổ đảng trong sản xuất nông nghiệp đã được xác định và được kiện toàn, số tổ đảng ghép trong các đội sản xuất giảm dần, năm 1967 có 194 đội, đến cuối năm 1968 chỉ còn 77 đội trong đó còn 18 đội sản xuất chưa có tổ Đảng. Đảng uỷ, chi uỷ đã đi sâu, đi sát quần chúng. Một số cán bộ, đảng viên ở các ban, ngành của huyện tự nguyện về cơ sở làm chủ nhiệm, đội trưởng, đội phó sản xuất.

Đảng bộ đã chú trọng việc phát triển đảng viên để tăng thêm sức mạnh của Đảng. Lựa chọn những quần chúng ưu tú

đã qua rèn kuyện và thử thách trong sản xuất và chiến đấu, bồi dưỡng kết nạp vào Đảng. Năm 1965, kết nạp được 370 đảng viên, năm 1966 kết nạp 375 đảng viên. Số đảng viên mới kết nạp có 78% trẻ tuổi, 47,5% là nữ, 90% là bản nông và trung nông lớp dưới và 23 đồng chí đảng viên công giáo.

Cuộc vận động xây dựng Đảng bộ, chi bộ theo yêu cầu 4 tốt được mở rộng đi vào chiều sâu đang trở thành ý thức của mỗi cán bộ, đảng viên. Đảng bộ đã gắn liền cuộc vận động với các nhiệm vụ trọng tâm của Đảng, trên cơ sở tự phê bình và phê bình hàng năm để bình xét. Chất lượng Đảng bộ, chi bộ, đảng viên ngày càng tăng: Năm 1965, Đảng bộ 4 tốt và khá chiếm 26%, Đảng bộ kém 11%; chi bộ 4 tốt và khá chiếm 75,4%. Năm 1967, có 9 Đảng bộ tốt bằng 41%, 8 Đảng bộ khá bằng 36%, 5 Đảng bộ trung bình bằng 22%, không có Đảng bộ kém. Năm 1967, có 50 chi bộ 4 tốt, 37 chi bộ khá và 6 chi bộ trung bình. Về đảng viên, năm 1967 trong toàn huyện có 2.083 đồng chí trong đó đạt 4 tốt là 1.283, khá 638, trung bình 174 và 38 đảng viên kém. Năm 1968, tổng số có 2.077 đảng viên, trong đó có 1.280 đảng viên đạt 4 tốt, 585 khá, 166 trung bình và 27 đảng viên kém.

Các chi bộ cơ quan từ năm 1965 đã có tiến bộ, biết hướng nhiệm vụ chuyên môn phục vụ nhiệm vụ trung tâm của huyện. Các Đảng bộ Duy Hải, Tiên Ngoại, Tiên Yên, chi bộ hợp tác xã mua bán huyện đã quán triệt sâu sắc nội dung 4 tốt vào công tác xây dựng Đảng cho nên phong trào ở các cơ sở Đảng này đã đẩy mạnh, vững vàng trước mọi khó khăn. Một số đảng bộ như: Thắng Lợi, Mộc Nam, Châu Sơn, Trác Bút có nhiều cố gắng phấn đấu vươn lên.

Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã được chú ý, Huyện uỷ thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chi uỷ, đảng viên mới, đối tượng, cảm tình Đảng. Có nội dung sát với thực tế, đảm bảo chất lượng. Ngoài ra, huyện còn cử các đồng chí Đảng uỷ, chi uỷ, cán bộ đi học trường Đảng tỉnh, trường Nguyễn Ái Quốc, các lớp nghiệp vụ của tỉnh về chuyên môn. Riêng cán bộ kỹ thuật trung cấp nông nghiệp có trên 200 đồng chí. Việc đào tạo cán bộ nữ bước đầu đã chú ý đưa vào các chức vụ lãnh đạo ở xã, hợp tác xã.

Những kết quả của công tác xây dựng Đảng là nhân tố quyết định sự thắng lợi của Đảng bộ Duy Tiên trong những năm 1965-1968, tuy nhiên vẫn còn nhiều tồn tại: việc phát triển đảng viên còn quá yếu so với yêu cầu của chiến tranh, chưa chú trọng ở những địa bàn xung yếu và vùng công giáo. Một số Đảng bộ phát triển ẩu, không đảm bảo thủ tục, nguyên tắc như: Chuyên Mỹ, Chuyên Nội. Nhiệm vụ xây dựng Đảng theo yêu cầu 4 tốt thường coi nhẹ việc chăm lo đời sống của quần chúng và phát triển đảng viên mới. Đấu tranh tự phê bình và phê bình của Đảng uỷ, chi uỷ xuôi chiều, chỉ nặng về phê bình, tự phê bình kém dẫn đến tình trạng một số cán bộ chủ chốt ngày càng mắc sai lầm nghiêm trọng. Nhiệt tình phấn đấu của đảng viên, chi bộ chưa cao, còn sợ hy sinh, ngại khó khăn khổ, tác phong làm việc còn tùy tiện, thiếu dân chủ làm hạn chế phong trào sản xuất và chiến đấu. Công tác kiểm tra còn có nhận thức lệch lạc, chưa phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng uỷ trong kiểm tra, chi bộ thực hiện các chính sách ngăn ngừa tại chỗ những sai lầm của chi bộ, cán bộ, đảng viên.

Trong không khí tung bùng, phấn khởi chung của nhân dân miền Bắc được hưởng hoà bình, không còn tiếng bom đạn của đế quốc Mỹ, huyện Duy Tiên tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VIII vào ngày 4/12/1968. Đại biểu của các Đảng bộ, chi bộ cơ sở về dự thay mặt cho 2.077 đảng viên trong huyện. Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá đúng đắn những thắng lợi và tồn tại về mọi mặt của các phong trào cách mạng, đồng thời rút ra những kinh nghiệm chủ yếu trên cơ sở đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu của năm 1969 và những năm tiếp theo.

Đại hội đã thảo luận, thông qua nhiệm vụ chiến lược của Trung ương Đảng và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đề ra là: quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, quyết tâm xây dựng kinh tế địa phương lớn mạnh với khẩu hiệu chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi, tổ chức đời sống tốt và xây dựng Đảng bộ vững mạnh.

Nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ năm 1969 là động viên toàn Đảng, toàn dân phát huy tinh thần tiến công cách mạng, tinh thần tự lực cánh sinh, tiết kiệm, dũng cảm vượt mọi khó khăn gian khổ, tập trung sức xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp nhằm giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm, tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, thương nghiệp. Thực hiện tốt dân chủ trong quản lý, phân phối nhằm đáp ứng cao nhất mọi yêu cầu chi viện cho tiền tuyến, tổ chức tốt đời sống của quần chúng. Phải ra sức xây dựng Đảng bộ vững mạnh, đảm bảo chiến thắng địch hoạ, thiên tai trong mọi tình huống, tích cực chuyển hướng kịp thời khi có điều kiện thuận lợi.

Đại hội đã đề ra những mục tiêu chủ yếu: trong nông nghiệp là 1,4 lao động; 4,5 tấn thóc; 1,8 con lợn trên 1 ha gieo trồng. Trong xây dựng Đảng hết năm 1969 toàn huyện có 50% Đảng bộ 4 tốt, 60% chi bộ 4 tốt, 70% tổ Đảng và 80% đảng viên 4 tốt, trong đó có 20% đạt 4 tốt xuất sắc.

Đại hội đã thảo luận, lựa chọn bầu Ban Chấp hành khoá mới gồm 25 đồng chí. Đồng chí Trương Hồng Bảo được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

II. Tranh thủ thời gian hoà bình, đẩy mạnh phát triển kinh tế (1969-1972)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII, Huyện uỷ đã động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong huyện tập trung sức lực và trí tuệ khẩn trương tiến quân vào mặt trận sản xuất nông nghiệp, ngay từ vụ đông xuân 1968-1969, hàng vạn xã viên ra đồng san lấp hố bom, cày cuốc, quyết tâm thực hiện bằng được 3 mục tiêu: 1,4 lao động; 4,5 tấn thóc; 1,8 con lợn trên 1 ha gieo trồng với 3 mũi tiến công: làm thuỷ lợi, giao thông vận tải, cơ khí vật liệu.

Các ban, ngành của huyện, xã đã phát huy tính chủ động đi sát cơ sở, thực hiện khẩu hiệu “xuống đội lội đồng”, đơn đốc chỉ đạo đội sản xuất đưa các biện pháp kỹ thuật như: chọn lọc, xử lý giống, cày sâu, bừa kỹ, “sơn bờ ruộng”, làm mạ luống, thả bèo dậu, trồng điền thanh, rắc vôi bột...đã khơi dậy khí thế thi đua lao động sản xuất trong toàn huyện. Phong trào làm phân bón, cải tạo đất tăng năng suất cây trồng, phong trào làm thuỷ lợi được các tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Tiêu biểu là đoàn thanh niên lao động hàng ngày thu gom, thu

mua phân Bắc, nước giải về chế biến. Đội thanh niên xung kích chống Mỹ của các xã đã huy động 8.000 đoàn viên thanh niên tham gia công trình thủy lợi “3/2” và “26/3”, đào đắp được 125.000 m³ đất, làm 6.000 mẫu bèo dâu và làm tăng giờ được 431 công. Phong trào cắm thẻ nhận ruộng, xây dựng cánh đồng 5 tấn, 6 tấn có nhiều xã đoàn thực hiện như: Đội Sơn, Trác Bút, Trác Văn....

Nhờ có sự chỉ đạo thống nhất của cấp uỷ Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở, xã viên đã nỗ lực khắc phục khó khăn cấy trồng đảm bảo kế hoạch năm 1969, lúa Đông xuân đạt 16.324 mẫu lúa mùa 18.875 mẫu, một số cây màu, vụ đông và cây công nghiệp, chủ yếu như: ngô 628 mẫu, khoai chiêm 3.212 mẫu, khoai mùa 628 mẫu, mía 759 mẫu, đay 416 mẫu, đậu tương 528 mẫu, dâu tằm 160 mẫu, cây dước liệu 16 mẫu... Năm 1970, diện tích lúa Đông – xuân đạt 16.424 mẫu, lúa mùa đạt 19.756 mẫu, cây ngô 614 mẫu, khoai chiêm 2.738 1mẫu, khoai mùa 626 mẫu, cây mía 1.056 mẫu, đay 374 mẫu, đậu tương xuân 415 mẫu, dâu tằm 153 mẫu, cây dước liệu 17 mẫu....

Các xã đã có nhiều cố gắng trong việc đảm bảo kế hoạch diện tích và thâm canh cây trồng. Năm 1968, diện tích lúa và các loại cây màu và cây công nghiệp chủ yếu đều đạt kế hoạch chỉ có lúa mùa không đạt. Năm 1970 lúa Đông xuân chỉ đạt 99,3%, riêng lúa chiêm vượt 0,83%, khoai lang mùa vượt 2,1%, mía vượt 2,7% kế hoạch, nếu so với bình quân 10 năm (1960-1970) thì diện tích chỉ đạt 87%. Năng suất lúa chiêm chỉ đạt 1.836kg/ha bằng 92% kế hoạch, nếu so với năm 1967 chỉ bằng 90%. Lúa xuân năng suất khá, bình quân đạt 2.630kg/

ha, một số hợp tác xã đạt từ 2,4tấn đến 3,3tấn/ha một vụ như: Trác Bút, Tiên Yên, Duy Hải, Nguyễn Tiên xã Tiên Nội, Thượng Lĩnh xã Đọi Sơn, Yên Lệnh xã Chuyên Ngoại....Một số hợp tác xã đạt năng suất quá thấp trên dưới 30kg một sào như: Ninh Lão (Duy Minh), Hoàng Lý, Ngọc Động (Hoàng Đông). Như vậy nhiệm vụ sản xuất vụ đông xuân toàn huyện không đạt cả 3 mặt diện tích, năng suất, tổng sản lượng ⁷¹

Phấn đấu vụ mùa với khẩu hiệu “quyết tâm lấy mùa bù chiêm”, toàn huyện đưa 12,8% giống lúa mới có năng suất cao như: Nông nghiệp 8, Nông nghiệp 5 và 314 vào cấy mùa. Thời vụ và mật độ cấy trong vụ mùa 1970 thực hiện tốt hơn vụ mùa năm 1969. Trận mưa đầu tháng 7/1970 với lượng nước 194 mm làm 1969 mẫu lúa ở nhiều xã bị ngập phát phơ. Huyện đã huy động hàng ngàn gầu, guồng chống úng, khơi vùng đất thuỷ cứu lúa và cấy thêm để đảm bảo diện tích. Tiêu biểu cho quyết tâm chống úng là các xã: Tiên Ngoại, Tiên Tân, Lam Hạ....đến ngày 9/8 toàn huyện đã cứu được trên 1.000 mẫu lúa khỏi ngập, đảm bảo cấy vượt kế hoạch 0,15%, trong đó có 2,25% diện tích cấy vào chân mạ. Năng suất vụ mùa năm 1969 đạt 75,7kg/sào. Nông nghiệp tuy chưa ổn định nhưng chăn nuôi đã có bước phát triển đi lên theo số lượng kiểm kê ngày 1/7/1970, tổng đàn lợn có 30.617 con, đàn lợn tập thể cũng tăng khá, đạt 5.838 con, đàn lợn thịt tăng 14% so với năm 1969. Song điều đáng quan tâm và báo động là đàn lợn nái giảm sút nghiêm trọng, so với thời điểm 1/7/1969 giảm

⁷¹ Báo cáo số 08-BC/HU ngày 1/9/1970 của Huyện uỷ
Duy Tiên về tình hình nông nghiệp năm 1970.

1.083 con và 2.530 lợn sữa. Đàn trâu, bò cày kéo kết hợp với sinh sản cũng có tiến bộ về số lượng và chất lượng. Năm 1969, tổng đàn trâu, bò có 4.453 con trong đó cày, kéo có 3.858 con, bê, nghé 138 con. Năm 1970, tổng đàn trâu, bò có 4.390 con có 3.911 con cày kéo, bê nghé có 290 con. Các chỉ tiêu chăn nuôi khác như cá, vịt đều không đạt kế hoạch.

Vụ sản xuất Đông - Xuân tuy có đạt kết quả về một số mặt, nhưng sản lượng lương thực không đạt kế hoạch. Đông Xuân 1969-1970 so với Đông Xuân 1968-1969 giảm 1.361 tấn, giữa trồng trọt và chăn nuôi mất cân đối kéo dài.

Nhìn chung tình hình sản xuất nông nghiệp năm 1969-1970 trong huyện còn “dậm chân tại chỗ”, chưa có cơ sở vững chắc để nông nghiệp phát triển toàn diện. Nguyên nhân cơ bản là do sử dụng ruộng đất quá lãng phí, hợp tác xã nào cũng có thùng đào, thùng đấu, ruộng bỏ hoang hoá, xã viên tự do lấn chiếm, đào ao vượt thổ dân cư. Kiểm tra ở 2 xã Hoàng Đông nơi bình quân ruộng đất cao đã lấn chiếm tới 120 mẫu, Chuyên Ngoại nơi bình quân ruộng đất thấp cũng lấn chiếm tới 70 mẫu. Diện tích mạ để quá cao từ 1,4-1,5 sào trên một mẫu ruộng cấy nhưng thực tế chỉ sử dụng trên, dưới 1 sào.

Sản xuất nông nghiệp phát triển chậm, trong khi đó dân số hàng năm tăng khá nhanh từ 2,8-3,3%. Nhân khẩu phi nông nghiệp ngày một phình ra, năm 1968 so với năm 1965 tăng 43%. Hàng năm, huyện đóng góp lương thực cho Nhà nước từ 1.051 tấn đến 5.828 tấn, ngược lại Nhà nước còn phải cung cấp thêm cho nhân dân từ 3.388 đến 7.320 tấn, như vậy sản xuất nông nghiệp không đủ ăn. Trong số 54 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thì 11 hợp tác xã không có đóng góp

nghĩa vụ. Công tác quản lý hợp tác xã quá yếu, tuy có 53/54 hợp tác xã đi vào khoán sản phẩm nhưng xây dựng kế hoạch quá sơ sài. Ý thức pháp lệnh trong kế hoạch không được tôn trọng, làm đến đâu hay đến đấy. Tài sản của hợp tác xã bảo quản không tốt, hư hao tổn thất quá nhiều, chỉ tính riêng năm 1968 và 6 tháng đầu năm 1969 vốn mua sắm có 528.000 đồng, nhưng hư hao tổn thất đã chiếm 277.000 đồng bằng 52,3%. Quản lý kỹ thuật không đồng bộ được khâu này mất khâu khác, được giống mới thì bỏ kỹ thuật làm mạ, được khâu cấy thì bỏ khâu thâm canh chăm bón. Ý thức lao động của xã viên chưa thật tự giác, mỗi năm số lượng ngày công một tăng nhưng giá trị ngày công lại giảm, năm 1968 là 316 công/lao động, mỗi công đạt giá trị 1,04 đồng, năm 1969 là 343 công, mỗi công chỉ còn 0,44 đồng, do đó làm cho xã viên chưa thật gắn bó với hợp tác xã, thiếu hăng hái, phấn khởi làm cho sản xuất phát triển chậm.

Công tác thủy lợi tuy đào đắp nhiều nhưng không dứt điểm, số vùng đảm bảo vững chắc còn ít. Công tác quản lý và phát huy tác dụng của các công trình chưa thật tốt nên chưa chủ động được úng, hạn, nghiêm trọng nhất là khâu tháo, lấy nước còn tùy tiện.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy Nam Hà “quyết tâm chuyển biến mạnh mẽ năm 1971, đưa 70% diện tích lúa ngắn ngày vào sản xuất vụ Đông – Xuân và 60% diện tích vào vụ mùa đối với Duy Tiên tạo điều kiện cho nông nghiệp nhảy vọt”. Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện đã họp ra nhiều Nghị quyết chuyên đề, chỉ rõ những biện pháp cụ thể để phát triển nông nghiệp ổn định.

Ngày 19/01/1970, Ban Thường vụ Huyện uỷ ra Nghị quyết số 01-NQ/HU về đào tạo bồi dưỡng cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế năm 1970 và những năm sau để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế địa phương và sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Thực hiện 3 cuộc cách mạng lấy khoa học kỹ thuật là then chốt do đó đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế có vị trí và tác dụng trực tiếp đối với sản xuất công nghiệp và các ngành khác, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp phải đưa mạnh khoa học, kỹ thuật mới tạo ra năng suất cao.

Ở các xã và hợp tác xã đã xây dựng phương hướng sử dụng số cán bộ hiện có đồng thời cử đi đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật có trình độ trung cấp, cân đối đủ các ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, quản lý kinh tế và công nhân vận hành, sửa chữa máy. Ở mỗi đội sản xuất cũng phải có đủ 3 cán bộ sơ cấp trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

Ngày 4/5/1970, Ủy ban hành chính huyện đã ra Nghị quyết số 240-NQ/UB về phát động vụ mùa năm 1970 với nhiệm vụ chủ động thâm canh toàn diện nhằm phấn đấu giành vụ mùa thắng lợi “cao nhất, tốt nhất, toàn diện nhất”.

Ngày 15/10/1970, Đảng bộ tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ IX, Đại hội đánh giá ưu, khuyết điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII từ tháng 10/1969 đến tháng 9/1970. Trên cơ sở đánh giá kỹ các mặt sản xuất nông nghiệp và xây dựng hợp tác xã, công tác quản lý kinh tế, công tác

xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, báo cáo Đại hội đã nêu phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế năm 1971 là: tập trung sức thực hiện nhiệm vụ trọng tâm phát triển mạnh mẽ sản xuất lương thực, thực phẩm chủ yếu là cây lúa và con lợn. Trong đó tập trung cao nhất cho cây lúa, ổn định diện tích cây khoai lang ở những nơi có hiệu quả kinh tế tương đối cao. Phấn đấu từng bước mở rộng diện tích khoai tây tận dụng đất đai phát triển trồng nhiều rau nhất là rau hè thu. Nhanh chóng ổn định và quy vùng sản xuất mía để thực hiện chuyên canh, thâm canh, ổn định diện tích trồng đậu và đưa vào khu vực ăn chắc, thu gọn diện tích trồng đậu. Phát triển mạnh chăn nuôi trâu, bò sinh sản, chăn nuôi cá và các loại gia cầm khác. Phát triển nông nghiệp toàn diện một cách hợp lý, tạo điều kiện phân công lao động mới và tăng năng suất lao động để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất và thiết thực.

Đại hội đã thảo luận phương án nhân sự, lựa chọn bầu 23 đồng chí vào Ban Chấp hành nhiệm kỳ 1970-1971, đồng chí Trương Hồng Bảo được bầu lại làm Bí thư Huyện uỷ.

Là huyện nằm trong hệ thống nông giang phía Bắc tỉnh nhưng sản lượng lương thực trong 2 năm 1969-1970 giảm sút so với những năm trước. Rút kinh nghiệm từ sự lãnh đạo úng bão, lụt, Huyện uỷ đã ra Nghị quyết số 81 về cuộc cách mạng thuỷ lợi 3 năm (1971-1973) với những nhiệm vụ cụ thể như: trước mắt là vụ Đông Xuân 1970-1971, các hợp tác xã đẩy mạnh kiến thiết đồng ruộng, khoanh rõ các vùng: mạ, mầu, ải, dầm, vùng máy cấy, đưa diện tích máy cấy vụ Đông Xuân 60%, vụ mùa 30%.

Đảm bảo nước tưới tự chảy 95% diện tích cả 2 vụ, đưa 20% diện tích tưới tiêu theo phương pháp khoa học trong vụ Đông Xuân, đồng thời khoanh các vùng chống úng vụ mùa. Kết hợp 3 lực lượng gầu, guồng, máy bơm điện, bơm dầu, đảm bảo tưới tiêu phục vụ cấy vọt chỉ tiêu kế hoạch.

Nạo vét cửa cống Mộc Nam, hoàn thành kênh phù sa vào qua sông Lương để tiêu nước thừa vụ Đông Xuân cho 6 xã sông Hồng, đồng thời lấy được 3 đến 4 đợt nước phù sa đầu vụ mùa, đến năm 1972 phải đưa nước phù sa qua sông Lương vào đồng ruộng các xã Tiên Yên, Tiên Thắng, Tiên Nội, Tiên Ngoại, Hoàng Đông. 6 xã vùng sông Hồng đưa cơ giới 70% diện tích vụ mùa, định vùng 6 tấn ha

Kết hợp thủy lợi với giao thông vận tải, cải tạo các bờ vùng thành đường giao thông vận chuyển từ sân kho ra đồng dùng xe các loại vận chuyển giải phóng đôi vai 80% khối lượng. Phát triển trồng cây, nuôi cá theo quy định đã xây dựng nhằm tận dụng lợi ích tổng hợp trên các công trình thủy lợi.

Củng cố đủ 10% tổ lao động nghĩa vụ vào các đội thủy lợi – đội chủ lực đảm bảo đủ ngày công trên các công trường đại, trung thủy nông của tỉnh, huyện. Kiện toàn các tổ thủy nông trong các hợp tác xã nông nghiệp, cứ 20 ha ruộng đất có một người thông thạo đồng ruộng, có tinh thần trách nhiệm, quản lý tốt các kênh mương, cầu cống, đảm bảo tưới tiêu phục vụ cấy, cấy kịp thời vụ, đúng kỹ thuật.

Trong khí thế thi đua đẩy mạnh sản xuất, quyết tâm giành năng suất cao trong toàn huyện, Huyện uỷ đã chỉ đạo các xã mở các lớp bồi dưỡng cán bộ và các lớp cho xã viên

học tập điều lệ hợp tác xã, học tập lời Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về điều lệ tóm tắt hợp tác xã, Người nói: “Điều lệ này của hợp tác xã nông nghiệp rất quan trọng, nó nhằm đảm bảo thật sự quyền làm chủ tập thể của xã viên. Phải thực hiện tốt điều lệ để hợp tác xã càng thêm vững mạnh, nông dân ngày càng đoàn kết, sản xuất ngày càng phát triển và nông dân ta thêm no ấm, tiến bộ”.

Các hợp tác xã nông nghiệp trong huyện đã mít tinh đón nhận điều lệ hợp tác xã. Thực hiện điều lệ ở thời điểm trước vụ sản xuất, Ban quản trị hợp tác xã đã lập dự thảo kế hoạch sản xuất, những vấn đề quan trọng như chi tiêu tài chính, trên cơ sở đó từng đội sản xuất tổ chức cho xã viên bàn bạc lấy ý kiến tập thể xây dựng thành kế hoạch chính thức rồi triển khai cho xã viên thực hiện. Vì vậy xã viên đã tin tưởng vào Ban quản trị hợp tác xã, phấn khởi yên tâm lao động sản xuất.

Năm 1971, năm đầu thực hiện kế hoạch 3 năm (1971-1973) có vị trí rất quan trọng và cấp bách về mặt kinh tế nhằm cung cấp đầy đủ và kịp thời yêu cầu chi viện cho tiền tuyến để đánh thắng quân Mỹ xâm lược, góp phần làm cho kinh tế của Nhà nước và đời sống của nhân dân mau chóng trở lại bình thường theo hướng vừa khôi phục vừa phát triển. Việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp để tạo ra những chuyển biến mới trọng tâm then chốt và thiết thực nhất hiện nay là lương thực, thực phẩm, trước hết là cây lúa và con lợn.

Vụ Đông Xuân 1970 -1971, diện tích cấy đạt 17.435 mẫu vượt 3,74% so với kế hoạch trong đó lúa chiếm 4.951 mẫu, lúa xuân 12.484 mẫu. Các hợp tác xã đã đưa giống lúa mới chiếm 75,4% diện tích lúa Đông Xuân, đồng thời áp dụng

các biện pháp khoa học, kỹ thuật xử lý giống bằng ngâm nước nóng 54°C, ngâm ủ bằng lò thóc mầm, cấy dày hợp lý bình quân từ 25-30 khóm/m², đảm bảo 5-6 danh đối với lúa đại trà, từ 3-5 danh đối với lúa giống mới. Tháng 3/1971, toàn huyện mở chiến dịch chăm bón lúa “mùng chiến thắng đường 9 Nam Lào” các xã đoàn đảm bảo đủ nước, phân, làm sạch cỏ cho các cánh đồng lúa của hợp tác xã. Điển hình là xã đoàn Trác Bút, ngoài việc làm cỏ, tát nước còn chế biến thêm được 100 tấn phân các loại để bón đốn đồng. Do đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật, vụ đông xuân đã giành thắng lợi lớn nhất so với các vụ đông xuân trước đây: về năng suất đạt 23,80 tạ/ha bằng 116% kế hoạch pháp lệnh, tăng 13,6% so với đông xuân năm 1969 và 10% so với đông xuân 1970. Về sản lượng đạt 15.132 tấn bằng 127,9% kế hoạch, vượt 23,4% so với đông xuân 1969 và 37,6% so với đông xuân 1970. 16 xã, hợp tác xã đạt trên 30 tạ/ha trong đó một số hợp tác xã đạt năng suất cao có tính nhẩy vọt so với đông xuân năm 1970 như: Doãn, Bảo, Nội (Tiên Ngoại) 23 tạ/ha vượt 50%, Quỳnh Chân (Lam Hạ) 34,72 tạ/ha vượt 72,1%, Đôn Lương (Tiên Thắng) 34,72 tạ/ha vượt 56,9%; điển hình là hợp tác xã Vũ Lương (Tiên Yên) đạt 44,44 tạ/ha vượt 37,9%.

Vụ mùa năm 1971 gặp thiên tai khắc nghiệt, lũ ở các sông lên sớm lại bị bão số 7,8,9 có cường độ mạnh nối tiếp nhau đổ bộ vào địa bàn huyện kèm theo mưa to kéo dài từ ngày 11 đến 20/8 với lượng mưa trên 300 mm. Đến ngày 22/8 nước tràn qua nhiều đoạn đê sông Hồng, một số đoạn bị sạt, bị mạch sủi. Đê Hoàn Uyển phải coi mặt đê, có 5 đoạn bị sạt thân đê phải đắp thêm 2 tuyến phòng ngự. Đê Bắc

Châu giang cũng phải đắp thêm con trạch chống tràn, nhiều đoạn ở Đình Tràng bị sạt.

Huyện uỷ đã tập trung chỉ đạo các cấp uỷ, chính quyền huy động hàng vạn cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân với các phương tiện xe bò, xe cải tiến, thuyền và hàng ngàn bao tải, hàng ngàn cây tre, hàng ngàn m³ đá hộc vào chiến dịch. Các lực lượng cứu hộ đã chủ động di chuyển nhân dân trong bối, thôn Trung Hà xã Mộc Bắc có hàng chục ngôi nhà bị trôi nhưng tính mạng của nhân dân được đảm bảo. Chỉ trong vòng từ ngày 20 đến 28/8 tất cả các đoạn tràn, mạch sủi, sạt lở trên các tuyến đê sông Hồng, sông Châu, Hoàn Uyển đều được gia cố an toàn.

Vụ mùa năm 1971 bão, lũ, lụt gây thiệt hại nặng nề hơn vụ mùa năm 1969, đã làm ảnh hưởng nhiều đến đời sống nhân dân. Toàn huyện chỉ cấy và thu hoạch được 14.372 mẫu bằng 73,9% kế hoạch, nhiều diện tích lúa bị ngập hồng, năng suất chỉ đạt 55,6kg/sào bằng 66,5% kế hoạch, sản lượng cũng giảm nghiêm trọng, thực thu 7.995 tấn/16.820tấn bằng 47,53% kế hoạch.

Do ảnh hưởng của úng, lụt, các loại cây màu và cây công nghiệp chủ yếu cũng không đảm bảo kế hoạch: Ngô diện tích 553 mẫu bằng 90,5%, sản lượng 367,8 tấn vượt kế hoạch 1%, khoai diện tích 2.103 mẫu bằng 68,83%, sản lượng 6.425 tấn bằng 70%. Đay diện tích 275 mẫu bằng 76,1%, sản lượng 756 tấn bằng 78%, dâu tằm diện tích 161 mẫu bằng 82,9%, sản lượng 725 tấn vượt 3%, rau các loại 1.475 mẫu bằng 66,3% sản lượng 18.135 tấn

Tuy trồng trọt giảm về sản lượng, có 50% hợp tác xã thu hoạch kém nhưng chăn nuôi vẫn giữ được tương đối ổn định. Huyện đã triển khai Nghị quyết 136 và đề án phát triển chăn nuôi ở 47 hợp tác xã, từng bước đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính. Các hợp tác xã đã đưa 10% giống lợn lai kinh tế vào nuôi trong chuồng trại tập thể và khu vực gia đình, ứng dụng các quy trình kỹ thuật thích hợp như muối chua rau xanh tăng hàm lượng sinh khối nấm men cho lợn ăn, đồng thời bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cho cán bộ tổ trưởng chăn nuôi. Mỗi tháng huyện họp định kỳ một lần với trưởng ban chăn nuôi hợp tác xã. Các phòng nông nghiệp, thú y thường xuyên tham mưu cho Ủy ban hành chính huyện chỉ đạo công tác chăn nuôi như một “chiến dịch”, có phát động, giao chỉ tiêu, sơ kết, tổng kết khen thưởng kịp thời. Chính vì vậy mà chăn nuôi phát triển cả bề rộng và bề sâu. Năm 1971, với quyết tâm “tăng đàn lợn chống Mỹ” qua kiểm kê ngày 1/4 vẫn giữ được 26.632 con tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 1970. Đến ngày 1/7 đàn lợn tăng 6,9%, lợn xã viên tăng 4,1%, đáng chú ý là đàn lợn lai kinh tế đã phát triển ở 16 cơ sở với tổng số 645 con. Một số hợp tác xã tăng cả về đàn lợn tập thể và gia đình, tiêu biểu như: Vũ Lương (Tiên Yên), Ngòi (Tiên Hiệp) và Duy Hải.

Năm 1971, được xác định là “năm thủy lợi”, Huyện ủy đã phát động chiến dịch tổng công kích vào thủy lợi. Hàng ngàn xã viên nông cốt là lực lượng của 52 đội thủy lợi chuyên, 62 tổ tưới tiêu, chủ yếu là thanh niên, dân quân tự vệ xung kích đi đầu trước những khó khăn gian khổ nhất, luôn có mặt trên các công trình, củng cố đê điều, chống lũ, lụt, chống úng,

chống hạn, chủ động tưới tiêu nước, chuyển ruộng cấy cưỡng sang cấy chính vụ, cải tạo đồng chiêm cũ thành vùng 2 lúa. Riêng khối lượng đào đắp 8 tháng đầu năm đạt 1.129.500 m³ đất, bình quân mỗi lao động đạt 31 m³. Tiêu biểu cho chiến dịch thủy lợi, kiến thiết đồng ruộng là xã Trác Bút, tháng 5/1971 toàn xã đã hoàn thành hệ thống mương, máng tưới tiêu khoa học, tạo nền cứng đồng ruộng để đưa cơ giới vào khâu làm đất, phơi ải để tăng năng suất cây trồng.

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn do bão, lụt gây nên, làm thiếu nguyên, nhiên liệu. Các ngành tiểu thủ công như: gốm sứ, song mây, dệt lụa, thêu ren, kéo mật, gạch ngói, nung vôi mặc dù phải chống đỡ với thiên tai dồn dập, nhưng xã viên các cơ sở vẫn cố gắng khắc phục hậu quả, nhanh chóng bắt tay vào sản xuất, làm ra sản phẩm góp phần nhanh chóng giải quyết khó khăn ổn định đời sống của nhân dân.

Trong điều kiện tạm thời có hoà bình, các lực lượng vũ trang trong huyện đã tranh thủ sản xuất, tăng cường lực lượng mọi mặt, sẵn sàng đánh bại âm mưu của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai khi chúng liều lĩnh gây chiến tranh trở lại phá hoại miền Bắc. Bộ đội huyện cùng dân quân tự vệ các xã, các cơ quan, xí nghiệp đã phát động nhiều phong trào thi đua “luyện hay, đánh giỏi, sản xuất hàng đầu”, phấn đấu thực hiện yêu cầu “2 rèn 3 giỏi”. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền đã chỉ đạo chặt chẽ, kiện toàn được 98,6% ban chỉ huy xã đội, triển khai phương án luyện tập hiệp đồng chiến đấu cho cán bộ và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang. Năm 1970-1971, mặc dù phải chống trời với bão lũ, lụt nhưng Đảng bộ và nhân dân

trong huyện đã tổ chức tiễn đưa hàng ngàn con em lên đường vào Nam chiến đấu. Nhiệm vụ chi viện cho tiền tuyến ngày càng nhiều và làm tốt chính sách hậu phương quân đội, huyện đã được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Kháng chiến Hạng Nhì, có 3 xã: Tiên Tân, Tiên Yên, Trác Văn được Chính phủ thưởng Huân chương và 10 xã được Ủy ban hành chính tỉnh tặng bằng khen.

Chính quyền các cấp đã phát huy được chức năng quản lý, chỉ đạo, quy tụ được các ngành phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Các ngành tài chính, vật tư từng bước đã phục vụ nông nghiệp kịp thời hơn về phân bón, giống, thuốc trừ sâu, cho vay ngắn, dài hạn. Các ngành công nghiệp, thuỷ lợi, giao thông vận tải cũng có nhiều cố gắng trong việc trang bị cơ khí nhỏ, các phương tiện thô sơ phục vụ phong trào giải phóng đôi vai góp phần đẩy sản xuất nông nghiệp nhanh hơn rút ngắn thời vụ gieo cấy, thu hoạch từ trên một tháng các năm trước, đến năm 1970 xuống chỉ còn khoảng 20 ngày. Ngành thương nghiệp kể cả mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán có nhiều cố gắng khai thác các mặt thiết yếu như: vải thô, dầu đèn, mắm muối, bát đĩa, đưa gian hàng xuống các sân kho phục vụ kịp thời nhu cầu của nhân dân, tổ chức các quầy lưu động ở các chợ để thu mua lương thực, thực phẩm. Các ngành văn hoá thông tin, giáo dục, y tế đã bám sát cơ sở, chăm lo sức khoẻ, đảm bảo đời sống tinh thần của nhân dân.

Công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến mới, rõ nhất là cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, các cấp uỷ đã chỉ đạo chặt chẽ, coi trọng việc giáo dục tư tưởng chính trị đúng lúc, rèn luyện phẩm chất đạo đức kết hợp với phân công đảng viên, kiểm tra

đảng viên tạo điều kiện cho đảng viên phấn đấu thực hiện 7 yêu cầu, 4 nghĩa vụ và 6 dứt điểm.

Ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Đảng bộ tiến hành đợt sinh hoạt chính trị học tập và làm theo lời Di chúc của Hồ Chủ tịch từ ngày 15 đến 30/10 sâu rộng trong Đảng và các tầng lớp nhân dân để thấy rõ hơn phẩm chất cao đẹp, trong sáng của Hồ Chủ tịch, tăng thêm lòng tự hào, phấn khởi tin tưởng và quyết tâm giải quyết dứt điểm ở những chi bộ, Đảng bộ yếu và mất đoàn kết, tích cực thanh toán những khuyết điểm về tư cách đảng viên, về sinh hoạt, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, thực hiện 8 giờ có ích với năng suất lao động, hiệu suất công tác cao.

Năm 1970-1971 cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đang trên đà thắng lợi to lớn, miền Bắc trong điều kiện không có chiến tranh, đẩy mạnh phát triển kinh tế trở lại bình thường, nhưng càng gần thắng lợi càng nhiều gian khổ, ác liệt. Đảng bộ đã kịp thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác chính trị, tư tưởng, phải tiếp tục kiên trì đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, chống tư tưởng chủ quan, nôn nóng, ngại hy sinh gian khổ, lơ là nhiệm vụ, thiếu cảnh giác với những luận điệu tuyên truyền kích động của địch. Đồng thời xây dựng tinh thần cách mạng tiến công, ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, hậu phương thi đua với tiền phương, xây dựng quan điểm tự lực cánh sinh, dựa vào lực lượng quân chúng phát động cao trào mạnh mẽ tiến quân vào mặt trận sản xuất.

Đại bộ phận đảng viên có chuyển biến rõ nét về nhiệt tình cách mạng, về ý thức trách nhiệm, gương mẫu trong lao động sản xuất, công tác. Đối với đảng viên nông thôn, chuyển biến

rõ nhất là ý thức lao động. Năm 1970, đảng viên có ngày công bằng ngày công bình quân chung trong hợp tác xã: trên 60% số đảng viên có ngày công cao hơn như ở chi bộ: Vũ Lương (Tiên Yên); Duy Hải, Thượng Lĩnh (Đội Sơn) và Trác Văn. Chất lượng lao động của đảng viên so với năm 1969 có nhiều tiến bộ, nhiều đảng viên, tổ đảng, chi bộ đã duy trì lịch sơ kết 10 ngày chế độ khoán, đã khắc phục được tình trạng cấy sau, cấy muộn, mạ úa, lúa mộng....Đối với đảng viên là cán bộ chủ chốt, trừ những đồng chí tuổi cao, sức yếu, còn lại đều tích cực, gương mẫu lao động sản xuất, đi sâu vào chỉ đạo đội, kiểm điểm, rút kinh nghiệm, hạn chế được tình trạng hợp chay, bỏ khuyết không cụ thể, không có cơ sở thuyết phục.

Việc phân công đảng viên tăng cường cho cơ sở sản xuất so với năm 1969 tăng 47%, riêng các đội chuyên, ngành nghề tăng từ 60 đến 118%. Nhiều cơ sở đã làm ăn có hiệu quả kinh tế như: trại chăn nuôi tập thể xã Trác Bút, Mộc Nam, Duy Hải có giá trị ngày công cao hơn năm 1969 là 0,54 đồng.

Nâng cao chất lượng đảng viên còn có tác dụng rất rõ trong việc củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất và tiếp thu khoa học, kỹ thuật. Số đảng viên được bầu vào ban chỉ huy đội sản xuất tăng 59% so với năm 1969, các đội chuyên như: thủy lợi, bảo nông, trồng cây, chăn nuôi tập thể tăng từ 59 đến 67%, riêng đội khoa học kỹ thuật đạt 118%. Việc tiếp thu khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh đưa giống mới vào sản xuất thực sự là một cuộc cách mạng nhảy vọt. Từ chỗ cơ cấu lúa xuân năm 1968 mới có 827 mẫu, tăng lên 3.045 mẫu năm 1970, đến vụ Đông Xuân 1970-1971 đạt tới 13.117 mẫu giống lúa mới.

Đảng viên ở khối cơ quan, xí nghiệp sau khi học tập 3 cuộc vận động, đã nâng cao hiệu suất công tác, nâng cao năng suất lao động, cải tiến lề lối làm việc, thực hiện chế độ đi báo việc, về báo công. Các chi bộ cửa hàng thực phẩm, trại chăn nuôi Đổng Văn, tài chính, ngân hàng...tiêu biểu là chi bộ vật tư nông nghiệp thực hiện kế hoạch đạt 107%, tăng 33,12% so với năm 1969, phí giảm từ 2,79 xuống còn 1,75 đồng.

Chi bộ Thực phẩm năm 1969 là chi bộ kém, đến năm 1970 đã có nhiều mặt tiến bộ, thể hiện rõ nhất từ sau kiểm tra dân chủ, kỷ luật, hoạt động của cơ quan đã có hiệu quả quy tụ được quần chúng làm tốt các mặt như: tự túc rau xanh, trung chuyển phí lưu thông giảm từ 0,27% xuống 0,16%, tỷ lệ bán thịt hao từ 1,5kg/con xuống còn 0,08 kg, thu mua so với năm 1969 vượt 132 tấn, trong khi chỉ có 38 cán bộ, giảm 4 cán bộ so với năm 1969.

Các chi bộ hành chính sự nghiệp đã thực hiện tốt Nghị quyết 194, thực hiện phương án rút gọn đầu mối, giảm nhẹ biên chế. Toàn huyện đã có 101 cán bộ về cơ sở sản xuất, trong đó có 60 đồng chí nhận những nhiệm vụ chủ chốt, bước đầu đã có nhiều cố gắng tạo thế mới cho phong trào như ở Yên Duy (Mộc Bắc), Doãn Bảo Nội (Tiên Ngoại), Tiên Phong...Số còn lại ở cơ quan tuy ít nhưng đã đi vào xây dựng chế độ, nội quy, chức trách từng đồng chí nên vẫn đảm nhận tốt chức năng, nhiệm vụ chuyên môn.

Trong 3 năm Đảng bộ đã thường xuyên coi trọng việc giáo dục phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Thông qua học tập Chỉ thị số 5, Thông tri 224 của Trung ương và tiếp tục 3 cuộc vận động, cán bộ, đảng viên đã có những tiến

bộ như: dân chủ về kinh tế, chính trị, trong phân phối, bầu cử, phê bình đảng viên đến việc giới thiệu quân chúng vào Đảng, bầu cấp uỷ... Qua kiểm tra ở 17 Đảng bộ số đảng viên có biểu hiện mệnh lệnh, hống hách với quần chúng đã giảm nhiều. Số đồng chí ăn, uống bê tha, móc ngoặc, công nợ dây dưa, lấn chiếm ruộng đất của hợp tác xã cũng giảm, đã thanh toán sòng phẳng như ở chi bộ Ngọc Thị (Duy Minh), Đồng An, Bạch Xá (Hoàng Đông).

Chất lượng sinh hoạt trong Đảng bộ đã được nâng cao, coi trọng đấu tranh phê bình. Trong sinh hoạt đã thể hiện được 3 tính chất “lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu”. Một số cơ sở Đảng như: Đảng bộ Tiên Nội, chi bộ Vũ Lương (Tiên Yên), Yên Duy (Mộc Bắc), chi bộ cửa hàng thực phẩm có chuyển biến, chính là đã duy trì được sinh hoạt thường xuyên, trong sinh hoạt đã bỏ được lối hành chính, nói nhiều làm ít, không đi vào chức trách để quy trách nhiệm.

Phân loại đảng viên đã được chú trọng, các chi, đảng bộ đã quán triệt sâu sắc 7 yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên, do đó đánh giá sát thực tế hơn. Đảng viên nông thôn đạt loại khá năm 1969 chiếm 89%, năm 1970 là 48,8%, năm 1971 đạt 44,2%. Đảng viên kém giảm dần, năm 1969 chiếm 8,6%, năm 1970 là 8,3%, năm 1971 giảm xuống 6,9%.

Đối với chi bộ, đảng bộ năm 1970, ở nông thôn loại khá 34,3%, trung bình 55,2%, kém 10,5%. Năm 1971, loại khá 32,4%, trung bình 43,6%, kém 24%.

Nhiệm vụ phát triển đảng viên mới, đặc biệt là lớp đảng viên Hồ Chí Minh đã được các Đảng bộ, chi bộ tổ chức quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Ban Bí thư Trung ương Đảng về